

# KẾ HOẠCH BÀI DẠY TRỰC TUYẾN MÔN TOÁN 6

## NĂM HỌC: 2021-2022

Chào các em, hôm nay các em tham khảo kiến thức và giải bài tập nhé!

**TUẦN 1:** Từ 06/9/2021 đến 11/9/2021

### CHƯƠNG I: SỐ TỰ NHIÊN

#### Tiết 1:

#### Bài 1: Tập hợp. Phần tử của tập hợp. (t1)

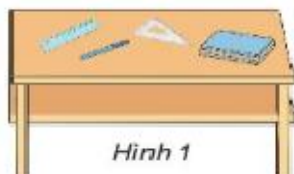
##### I/ Mục tiêu:

- Biết cách đọc và viết một tập hợp.
- Biết cách sử dụng các kí hiệu về tập hợp ( “ $\in$ ” , “ $\notin$ ” ) .
- Nhận biết được một phần tử thuộc hay không thuộc một tập hợp.

##### II/ Kiến thức cơ bản:

##### 1/ Làm quen với tập hợp:

Các em quan sát Hình 1 SGK-tr7:



Các em viết vào vở:

- + Tên các đồ vật trên bàn ở Hình 1
- + Tên các bạn trong tổ của em
- + Các số tự nhiên vừa lớn hơn 3 vừa nhỏ hơn

##### Trả lời:

Tên đồ vật trên bàn: sách, thước kẻ, ê ke, bút

- Tên các bạn trong tổ: Ví dụ: Lan, Mai, Ngọc, Hoa, Tuấn...( Các em kể cụ thể các bạn trong Tổ của mình)
- Các số tự nhiên lớn hơn 3 nhỏ hơn 12: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11.

##### Kết luận:

**Các đồ vật ở trong Hình 1 tạo thành một tập hợp. Mỗi đồ vật trên bàn được gọi là một phần tử của/ thuộc tập hợp đó.**

**+ Tương tự, “các bạn trong tổ của em tạo thành một tập hợp”, “Các số tự nhiên lớn hơn 3, nhỏ hơn 12 tạo thành một tập hợp”.**

##### 2/ Các kí hiệu:

Các em đọc ghi nhớ (Trang 7 SGK)

- Người ta dùng các chữ cái in hoa  $A, B, C, \dots$  để kí hiệu tập hợp.

- Các phần tử của tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn  $\{ \}$ , cách nhau bởi dấu chấm phẩy “;”. Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý
- Phần tử  $x$  thuộc tập hợp  $A$  được kí hiệu là  $x \in A$ , đọc là “ $x$  thuộc  $A$ ”. Phần tử  $y$  không thuộc tập hợp  $A$  được kí hiệu là  $y \notin A$ , đọc là “ $y$  không thuộc  $A$ ”

Các em đọc ví dụ SGK trang 7 và xem thêm ví dụ:

Ví dụ: Gọi  $B$  là tập hợp tên các bạn trong tổ em.

$B = \{ \text{Lan; Mai; Ngọc; Hoa; Tuấn} \}$

Ta viết :  $\text{Lan} \in B$ ,  $\text{Huyền} \notin B$ .

**Thực hành 1:** Các em làm bài tập thực hành 1 trang 8 (SGK)

**Trả lời:**

- a) Gọi  $M$  là tập hợp các chữ cái có mặt trong từ “gia đình”

$M = \{a; đ; i; g; h; n\}$

- b) + Khẳng định đúng:  $a \in M$ ,  $b \notin M$ ,  $i \in M$

+ Khẳng định sai:  $o \in M$

### III/ Luyện tập:

- 1) Các em giải các bài tập 2 trang 9 (SGK)

- 2) Các em làm bài tập vận dụng trang 8 (SGK)

Dưới đây là quảng cáo khuyến mãi cuối tuần của một siêu thị.



Hãy viết tập hợp các sản phẩm được giảm giá trên 12 000 đồng mỗi ki-lô-gam.

**Chúc các em làm bài thật tốt**

**Chào các em, hôm nay các em tham khảo kiến thức và giải bài tập nhé!**

**Tiết 2:**

**Bài 1: Tập hợp. Phần tử của tập hợp. (t2)**

**I/ Mục tiêu:**

Sau khi học xong tiết này HS

Biết cách cho/ viết một tập hợp theo những cách khác nhau.

**II/ Kiến thức cơ bản:**

**3/ Cách cho tập hợp:**

+ Các em học nhận xét SGK trang 8:

**Để cho một tập hợp, thường có hai cách:**

**a) Liệt kê các phần tử của tập hợp.**

**b) Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.**

Ví dụ: “*B là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 1 và nhỏ hơn 10*”

Ta có thể viết:

+ *Cách 1: Liệt kê các phần tử của tập hợp.*

$$B = \{2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9\}$$

+ *Cách 2: Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp.*

$$B = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên, } 1 < x < 10\}.$$

**III/ Luyện tập:**

1) Các em làm thực hành 2 trang 8 (SGK)

Thực hành 2:

a)  $E = \{0; 2; 4; 6; 8\}.$

**Trả lời:** Tính chất đặc trưng của tập hợp E là: E gồm các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10.

$$\Rightarrow E = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chẵn và } x < 10\}.$$

b)  $P = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên và } 10 < x < 20\}.$

**Trả lời:** Tập hợp P bằng cách liệt kê các phần tử là:

$$P = \{11; 12; 13; 14; 15; 16; 17; 18; 19\}.$$

2) Các em làm thực hành 3 trang 8 (SGK)

Thực hành 3:

**Trả lời**

a) Tập hợp A theo cách liệt kê các phần tử là:

$$A = \{8; 9; 10; 11; 12; 13; 14\}$$

b)  $10 \in A; 13 \in A$

$16 \notin A, 19 \notin A$

c)

Cách 1:  $B = \{8; 10; 12; 14\}$ .

Cách 2:  $B = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chẵn, và } 7 < x < 15\}$ .

3) Các em làm bài tập 1 trang 9 (SGK)

4) Các em làm bài tập 3 trang 9 (SGK)

5) Các em làm bài tập 4 trang 9 (SGK).

**Chúc các em làm bài thật tốt**

**Chào các em, hôm nay các em tham khảo kiến thức và giải bài tập nhé!**

**Tiết 3:**

**Bài 2: Tập hợp số tự nhiên. Ghi số tự nhiên.**

**I/ Mục tiêu:**

Sau khi học xong tiết này HS

- Phân biệt được hai tập hợp  $\mathbb{N}$  và  $\mathbb{N}^*$ .
- Nhận biết được giá trị của mỗi chữ số theo vị trí trong một số tự nhiên biểu diễn ở hệ thập phân.

**II/ Kiến thức cơ bản:**

**1/ Tập hợp  $\mathbb{N}$  và  $\mathbb{N}^*$ .**

- Tập hợp số tự nhiên:

$$\mathbb{N} = \{ 0; 1; 2; 3; 4; \dots \}$$

- Tập hợp số tự nhiên khác 0:

$$\mathbb{N}^* = \{ 1; 2; 3; 4; 5; \dots \}$$

- Các em làm bài tập thực hành 1 trang 10(SGK):

**Trả lời:**

- a) Tập hợp  $\mathbb{N}$  và  $\mathbb{N}^*$  khác nhau là:

+  $\mathbb{N}$  là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 0.

+  $\mathbb{N}^*$  là tập hợp các số tự nhiên lớn hơn 0.

- b) Tập hợp  $C$  bằng cách liệt kê phần tử là:

$$C = \{ 1; 2; 3; 4; 5 \}$$

**2/ Thứ tự trong tập hợp số tự nhiên:**

-Nhắc lại về tập hợp  $\mathbb{N}$  và tia số:

Tập hợp các số tự nhiên được kí hiệu bởi  $\mathbb{N}$

$$\mathbb{N} = \{ 0; 1; 2; 3; \dots \}.$$

Mỗi phần tử  $0; 1; 2; 3; \dots$  của  $\mathbb{N}$  được biểu diễn bởi một điểm trên tia số gốc  $O$  như hình dưới đây:



- Điểm biểu diễn số tự nhiên  $n$  gọi là điểm  $n$ . VD: Điểm 3, điểm 4, điểm 8...
- Tia số nằm ngang có chiều mũi tên đi từ trái sang phải, nếu  $a < b$  thì điểm  $a$  nằm bên trái điểm  $b$ .
- Nếu  $a$  nhỏ hơn  $b$ , ta viết  $a < b$ .
- Nếu  $a$  lớn hơn  $b$ , ta viết  $a > b$ .
- Ta viết:  $a \leq b$  để chỉ  $a < b$  hoặc  $a = b$ ;

$b \geq a$  để chỉ  $b > a$  hoặc  $b = a$ .

- Mỗi số tự nhiên có đúng một số liền sau cách nó 1 đơn vị. VD: 9 là số liền sau của 8 ( còn 8 là số liền trước của 9). Hai số 8 và 9 là hai số tự nhiên liên tiếp.

+ Các em làm bài tập thực hành 2 trang 10 (SGK)

**Trả lời:**

a) 17, 19, 21 là ba số lẻ liên tiếp tăng dần.

b) 102, 101, 100, 99 là bốn số tự nhiên liên tiếp giảm dần.

+ Các em làm bài thực hành 3 trang 11 (SGK)

**Trả lời:**

Tập hợp A gồm các số tự nhiên có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 và nhỏ hơn 36 là:

$$A = \{35; 30; 25; 20; 15; 10; 5; 0\}.$$

### 3/ Ghi số tự nhiên:

**a/ Hệ thập phân:**

+ Các em làm bài thực hành 4 trang 11 (SGK)

**Trả lời:**

Số 2023 có 4 chữ số:

- + Chữ số hàng đơn vị là 3,
- + Chữ số hàng chục là 2,
- + Chữ số hàng trăm là 0,
- + Chữ số hàng nghìn là 2.

Số 5 427 198 653 có 10 chữ số:

- + Chữ số hàng đơn vị là 3,
- + Chữ số hàng chục là 5,
- + Chữ số hàng trăm là 6,
- + Chữ số hàng nghìn là 8,...

+ **Các em lưu ý: Khi viết các số tự nhiên có 4 chữ số trở lên, ta nên viết tách riêng từng nhóm ba chữ số kể từ phải sang trái cho dễ đọc.**

**Chẳng hạn: 300 000 000.**

+ Các em xem ví dụ sau:

Số **1754** có **1** nghìn, **7** trăm, **5** chục, **4** đơn vị.

$$\Rightarrow 1754 = 1 \times 1000 + 7 \times 100 + 5 \times 10 + 4.$$

+ Tương tự các em làm bài tập thực hành 5 trang 11 (SGK).

**Trả lời:**

a) Biểu diễn số:

$$345 = 3 \times 100 + 4 \times 10 + 5 = 300 + 40 + 5$$

$$2\ 021 = 2 \times 1000 + 0 \times 100 + 2 \times 10 + 1 = 2\ 000 + 20 + 1$$

b) Đọc số 96 208 984: Chín mươi sáu triệu hai trăm lẻ tám nghìn chín trăm tám mươi bốn.

Số này có 8 chữ số, số triệu là 96, số trăm là 962089.

**b/ Hệ La Mã:**

+ Bảng số La Mã kí hiệu và giá trị 3 thành phần để ghi và ghép thành số La Mã.

| Chữ số            | I | V | X  |
|-------------------|---|---|----|
| Giá trị tương ứng | 1 | 5 | 10 |

+ Ghép các chữ số I, V, X với nhau ta được các số La Mã từ 1 đến 10

| I | II | III | IV | V | VI | VII | VIII | IX | X  |
|---|----|-----|----|---|----|-----|------|----|----|
| 1 | 2  | 3   | 4  | 5 | 6  | 7   | 8    | 9  | 10 |

+ Các em làm bài thực hành 6 trang 12 (SGK)

**Trả lời:**

| Số La Mã      | Giá trị tương ứng |
|---------------|-------------------|
| XII           | <b>12</b>         |
| <b>XX</b>     | 20                |
| XXII          | <b>22</b>         |
| <b>XVII</b>   | 17                |
| <b>XXX</b>    | 30                |
| <b>XXVI</b>   | 26                |
| <b>XXVIII</b> | 28                |
| XXIV          | <b>29</b>         |

**III/ Luyện tập:**

- + Các em làm bài tập 1 trang 12 (SGK)
- + Các em làm bài tập 2 trang 12 (SGK)
- + Các em làm bài tập 3 trang 12 (SGK)

**Chúc các em làm bài thật tốt**

**Chào các em, hôm nay các em tham khảo kiến thức và giải bài tập nhé!**

**Tiết 4:**

**Bài 3: Các phép tính trong tập hợp các số tự nhiên**

**I/ Mục tiêu:**

Sau khi học xong tiết này HS

- Nhớ lại quy tắc cộng trừ nhân chia số tự nhiên.
- Nhận biết các tính chất của các phép tính.

**II/ Kiến thức cơ bản:**

**1/ Phép cộng và phép nhân:**

+ Các em làm bài thực hành 1:

**Trả lời:**

Số tiền An đã mua là:

$$5 \times 6000 + 6 \times 5000 + 2 \times 5000 = 70\,000 \text{ (đồng).}$$

Số tiền còn lại của An là:

$$100\,000 - 70\,000 = 30\,000 \text{ đồng.}$$

+ **Kiểm tra kết quả mỗi phép tính:**

$$1\,890 + 72\,645 = 74\,535 \Rightarrow \text{Đúng.}$$

Trong đó: 1 890 và 72 645 là các số hạng, 74 535 là tổng.

$$363 \times 2\,018 = 732\,534 \Rightarrow \text{Đúng}$$

Trong đó: 363 và 2 018 là các thừa số, 732 534 là tích.

**Chú ý:** Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không viết dấu nhân ở giữa các thừa số; dấu “ $\times$ ” trong tích các số cũng có thể thay bằng dấu “ $.$ ”.

Ví dụ:  $a \times b = a.b$ ;  $6 \times a \times b = 6.a.b = 6ab$ ;

$$363 \times 2018 = 363.2018$$

**2/ Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên:**

+ Các em so sánh kết quả của các phép tính (Trang 14 SGK):

**Trả lời:**

$$a) 17 + 23 = 23 + 17$$

$$b) (12 + 28) + 10 = 12 + (28 + 10)$$

$$c) 17. 23 = 23 . 17$$

$$d) (5 . 6) . 3 = 5 . (6 . 3)$$

$$e) 23 . (43 + 17) = 23 . 43 + 23 . 17.$$

+ Các em học: (Trang 14 SGK)

\* Các tính chất:  $a, b, c \in \mathbb{N}$

- **Tính chất giao hoán:**

$$a + b = b + a$$

$$a.b = b.a$$

- **Tính chất kết hợp:**

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

$$(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$$

- **Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:**

$$a \cdot (b + c) = a \cdot b + a \cdot c$$

- **Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1.**

$$a + 0 = a$$

$$a \cdot 1 = a$$

+ **Các em làm bài thực hành 2 (Trang 14 SGK):**

**Trả lời:**

$$T = 11 \cdot (1 + 3 + 7 + 9) + 89 \cdot (1 + 3 + 7 + 9)$$

$$T = (11 + 89) \cdot [(1 + 3 + 7 + 9)]$$

$$T = 100 \cdot 20$$

$$T = 2000$$

+ **Các em làm bài thực hành 3 (Trang 14 SGK):**

**Trả lời:**

$$a) 1\,234 \cdot 9 = 1\,234 \cdot (10 - 1) = 12\,340 - 1\,234 = 11\,106$$

$$b) 1\,234 \cdot 99 = 1\,234 \cdot (100 - 1) = 123\,400 - 1\,234 = 122\,166.$$

**3/Phép trừ và phép chia hết:**

+ **Các em làm bài tập hoạt động khám phá (Trang 14 SGK):**

**Trả lời:**

a) Số tiền còn thiếu là:

$$200\,000 - 80\,000 = 120\,000 \text{ (đồng)}$$

b) Cần phải thực hiện gây quỹ trong:

$$120\,000 : 20\,000 = 6 \text{ (tháng)}$$

+ **Các em làm bài tập vận dụng (Trang 15 SGK):**

**Trả lời:**

$$a) \text{Ta có: } 36 - 12 = 24$$

Vậy 24 năm nữa thì số tuổi An bằng tuổi mẹ An năm nay.

$$b) \text{Ta có: } 36 : 12 = 3$$

Vậy năm nay số tuổi của mẹ An bằng 3 lần số tuổi của An.

\* **Chú ý:** Phép nhân cũng có tính chất phân phối đối với phép trừ:

$$a \cdot (b - c) = a \cdot b - a \cdot c \quad (b > c)$$

**III/ Luyện tập:**

1) Các em giải bài tập 1 (Trang 15 SGK)

2) Các em giải bài tập 2 (Trang 15 SGK)

3) Các em giải bài tập 3 (Trang 15 SGK)

4) Các em giải bài tập 4 (Trang 15 SGK)

**Chúc các em làm bài thật tốt**